TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2018/DSST
Ngày: 26-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Bà Trần Xuân Đạm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên toà*:* Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2017/TLST-DSST ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp B Ven, xã Lộc Khánh, Lộc Ninh, Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Số nhà 16, Tổ 1, ấp Hưng Thủy, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 7 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Vào đầu năm 2014, ông có cho bà Nguyễn Hoàng V vay 02 lần tiền để bà V trồng sắn, cụ thể: Lần đầu vào ngày 20/02/2014 (âm lịch) với số tiền 35.000.000 đồng (B mươi lăm triệu đồng) và lần thứ hai vào ngày 23/3/2014 (âm lịch) với số tiền là 5.000.000 đồng, cộng dồn 02 lần là 40.000.000 đồng, khi cho vay có viết giấy tay do ông viết và bà V ghi tên và ký vào giấy vay, hẹn đến tháng 12/2014 âm lịch sẽ trả, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng. Việc cho bà V vay tiền trên ông chỉ viết duy nhất có một biên nhận, biên nhận này ông đã nộp cho Tòa án khi khởi kiện và ông đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà

V trong biên nhận này. Khi cho bà V vay, chồng bà V không biết và không có ai chứng kiến. Từ khi vay cho đến nay bà V đã trả được 3.500.000 đồng tiền lãi, khi trả không có làm giấy tờ gì, còn tiền gốc bà V chưa trả. Số tiền ông cho bà V vay là tiền riêng của ông. Vì vậy, nay ông yêu cầu bà V trả cho ông số tiền gốc là 40. 000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/4/2014 (ngày âm lịch là 23/3/2014) đến ngày 26/6/2018 với mức lãi suất 2%/tháng/40.000.000 đồng, trừ số tiền lãi 3.500.000 đồng (B triệu năm trăm ngàn đồng) bà V đã trả thì tiền lãi bà V phải trả là 28.766.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi ông Trần Văn B yêu cầu bà Nguyễn Hoàng V phải trả là 68.766.000 đồng (Sáu mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 28.766.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Hoàng V trình bày: Bà có vay tiền của ông Trần Văn B nhiều lần để trồng sắn với tổng số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), cụ thể: Lần đầu vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), lần thứ hai vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và lần thứ B vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà không nhớ vay vào thời gian nào. Sau khi vay, ông B có viết biên nhận (Biên nhận là tờ giấy lịch) cộng dồn B lần vay trên và tiền lãi, bà có ký tên và viết họ tên vào biên nhận này, nội dung biên nhận vay tiền ghi bà vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nhưng thực tế đó là số tiền đã tính cả tiền gốc và tiền lãi, trong đó: số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), trong biên nhận vay này không có ghi lãi suất vay nhưng có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 40.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng. Khi bà ký và viết họ tên vào biên nhận (Biên nhận là tờ giấy lịch), bà cũng không nhớ vào thời gian nào. Đối với biên nhận mà ông Trần Văn B nộp cho Tòa án khi khởi kiện và yêu cầu trưng cầu giám định thì bà không biết, đồng thời chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận này cũng không phải là của bà. Số tiền bà vay của ông B trên là để làm ăn riêng, chồng bà không biết và không có sử dụng số tiền mà bà vay của ông Ba.

Đến nay bà đã trả được cho ông B 3.500.000 đồng (B triệu năm trăm ngàn đồng) tiền gốc và đã trả cho ông B được 08 tháng tiền lãi (mỗi tháng tiền lãi là 1.600.000 đồng) với số tiền 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng). Khi trả số tiền gốc và tiền lãi này, bà không nhớ trả vào thời gian nào và không có làm giấy tờ gì. Bà thống nhất quy đổi ngày 23/3/2014 âm lịch là ngày 22/4/2014 dương lịch. Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông B số tiền gốc là 20.000.000 đồng vì trước đó bà đã trả cho ông B được 3.500.000 đồng (B triệu năm trăm ngàn đồng) tiền gốc và 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng) tiền lãi. Tuy nhiên, do khó khăn về kinh tế bà đồng ý trả số tiền gốc 20.000.000 đồng với phương thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời hạn trả tính từ tháng 7/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 và 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự 2005; Áp dụng Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B

Buộc bà Nguyễn Hoàng V trả cho ông Trần Văn B tổng số tiền là 51.540.000 đồng (Năm mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó số tiền gốc là 40.000.000 đồng, số tiền lãi là 11.540.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Văn B khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu bà Nguyễn Hoàng V trả số tiền gốc đã vay và tiền lãi suất, yêu cầu của ông B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà V cư trú tại ấp Hưng Thủy, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của ông Trần Văn B:

- Đối với yêu cầu trả số tiền gốc: Bà V thừa nhận có vay tiền của ông Trần Văn B nhiều lần để trồng sắn với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Sau khi vay, ông B có viết biên nhận (Biên nhận là tờ giấy lịch) cộng dồn các lần vay và cả tiền lãi, bà có ký tên và viết họ tên vào biên nhận, nội dung biên nhận vay tiền ghi bà vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nhưng thực tế đó là số tiền đã tính cả tiền gốc và tiền lãi, trong đó: số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), trong biên nhận vay này không có ghi lãi suất vay nhưng có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 40.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng. Bà không nhớ thời gian vay tiền của ông B và thời gian ông B viết biên nhận (Biên nhận là tờ giấy lịch) là vào thời gian nào. Đối với biên nhận mà ông Trần Văn B nộp cho Tòa án khi khởi kiện và yêu cầu trưng cầu giám định thì chữ ký và chữ viết của bà là không có nên bà không thừa nhận. Ngoài ra, bà không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà vay của ông B 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng trong biên nhận (Biên nhận là tờ giấy lịch) ghi là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Ông B xác định ông cho bà V vay tiền vào ngày 20/02/2014 âm lịch và ngày 23/3/2014 âm lịch thì ông chỉ viết có một biên nhận, biên nhận này ông đã nộp cho Tòa án khi khởi kiện và ông đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà V trong biên nhận này.

Căn cứ kết luận giám định số 1721/C54B ngày 24/5/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh thì chữ viết họ tên "Ng Hoàng V" dưới mục "Người mượn" trên tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ " Hôm nay 23/3.... Ng Hoàng V" và chữ ký (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên Nguyễn Hoàng V trên 06 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người viết ra.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định: Từ ngày 20/02/2014 âm lịch đến ngày 23/3/2014 âm lịch, bà V đã vay 02 lần tiền của ông Ba, lần cuối là ngày 23/3/2014 âm lịch , do đó các bên thỏa thuận cộng dồn các lần vay và viết giấy vay vào cùng ngày 23/3/2014 âm lịch **(dương lịch là ngày 22/4/2014)** với số tiền vay tổng cộng là 40.000.000 đồng, thời hạn trả là tháng 12/2014 âm lịch**.** Từ khi vay cho đến nay, ông B thừa nhận bà V đã trả được 3.500.000 đồng (B triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lãi, chưa trả được khoản tiền gốc nào. Bà V xác định đã trả cho ông B được 3.500.000 đồng (B triệu năm trăm ngàn đồng) tiền gốc nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số tiền 3.500.000 đồng (B triệu năm trăm ngàn đồng) mà bà đã trả cho ông B là tiền gốc. Vì vậy, cần buộc bà Nguyễn Hoàng V trả cho ông Trần Văn B số tiền gốc đã vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Đối với yêu cầu trả lãi suất: Theo nội dung thỏa thuận trong giấy vay tiền giữa ông B và bà V vào ngày 23/3/2014 (âm lịch) thì các bên không có thỏa thuận trả lãi suất, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận có thỏa thuận trả lãi suất bằng lời nói, ông B xác định lãi suất cho vay là 2%/tháng/40.000.000 đồng và bà V đã trả cho ông được 3.500.000 đồng (B triệu đồng) tiền lãi, bà V xác định lãi suất cho vay là 40.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng và bà đã trả được 08 tháng tiền lãi (mỗi tháng tiền lãi là 1.600.000 đồng) với số tiền 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng), khi trả số tiền lãi này không có làm giấy tờ gì. Ngoài ra, bà V không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là đã trả số tiền lãi 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng) cho ông Ba.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì *"Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ về lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng về lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ".* Theo quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì *"Mức lãi suất cơ bản là 9%/năm*", như vậy một tháng lãi suất là 0,75% . Theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 thì *"Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Do đó, yêu cầu trả lãi suất của ông B là có căn cứ. Tuy nhiên, do yêu cầu về mức lãi suất và thời gian tính lãi suất của ông B chưa phù hợp quy định của pháp luật, vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu trả lãi suất của ông Ba, buộc bà Nguyễn Hoàng V trả cho ông Trần Văn B tiền lãi suất tính từ ngày 23/4/2014 đến ngày 26/6/2018 với mức lãi suất là 0,75%/tháng, cụ thể được tính như sau: 40.000.000 đồng x 0,75% x 50 tháng 04 ngày = 15.040.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng), trừ số tiền lãi suất đã trả là 3.500.000 đồng (B triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền lãi suất

còn lại bà V phải trả là 11.540.000 đồng (Mười một triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi bà Nguyễn Hoàng V phải trả cho ông Trần Văn B là 51.540.000 đồng (Năm mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 11.540.000 đồng

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 2.577.000 đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn đồng)

Ông Trần Văn B phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 861.300 đồng (Tám trăm sáu mươi mốt ngàn B trăm đồng)

[4] Về chi phí giám định: Chi phí giám định là 3.200.000 đồng (B triệu hai trăm ngàn đồng) . Do kết luận giám định chứng minh yêu cầu của người có yêu cầu (nguyên đơn) giám định là có căn cứ nên bị đơn phải chịu chi phí giám định là 3.200.000 đồng (B triệu hai trăm ngàn đồng) . Số tiền này ông Trần Văn B đã nộp nên bà Nguyễn Hoàng V phải trả cho ông Trần Văn B số tiền 3.200.000 đồng (B triệu hai trăm ngàn đồng)

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 và 161 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 471, 474, 476 và 305 Bộ luật dân sự 2005.
- Áp dụng Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B

Buộc bà Nguyễn Hoàng V trả cho ông Trần Văn B tổng số tiền là 51.540.000 đồng (Năm mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó số tiền gốc là 40.000.000 đồng, số tiền lãi là 11.540.000 đồng

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí là 2.577.000 đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn đồng). Ông Trần Văn B phải chịu án phí là 861.300 đồng (Tám trăm sáu mươi mốt ngàn B trăm đồng). Sau khi khấu trừ, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho ông Trần Văn B số tiền 637.866 đồng (Sáu trăm B mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014884 ngày 09/10/2017

3/ Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Hoàng V phải trả cho ông Trần Văn B số tiền 3.200.000 đồng (B triệu hai trăm ngàn đồng) chi phí giám định

4/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Minh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *THADS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*